

## CHÍNH TRỊ - LUẬT

# QUAN HỆ VIỆT - MỸ: NHỮNG THÁCH THỨC TRONG NHIỆM KỲ CỦA TỔNG THỐNG OBAMA

TS. Tạ Minh Tuấn  
Học viện Ngoại giao

Chiến thắng trong cuộc bầu cử tháng 11/2008 đã đưa ông Barack Obama trở thành tổng thống da màu đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ. Người dân Mỹ trông đợi Chính quyền của ông Obama có thể xoay chuyển tình hình khủng hoảng kinh tế ở Mỹ và khôi phục hình ảnh và vị thế của Mỹ trên trường quốc tế. Sau 4 tháng đầu cầm quyền, ông Obama đã làm được nhiều việc và điều chỉnh một số chính sách của Chính quyền George W. Bush, trong đó có chính sách đối ngoại. Chuyến thăm châu Á đầu tiên trên cương vị Ngoại trưởng của bà Clinton đã cho thấy sự chú ý đặc biệt của Tổng thống Obama đối với khu vực này. Trong bối cảnh đó, Việt Nam sẽ ở đâu trong chính sách khu vực của Mỹ? Chính quyền Obama sẽ gặp phải những thách thức gì trong việc phát triển quan hệ với Việt Nam?

### 1. Tổng quát quan hệ Việt - Mỹ từ năm 1995

#### *a) Quan hệ chính trị và ngoại giao*

Việt Nam và Mỹ đã thiết lập quan hệ ngoại giao từ tháng 7 năm 1995. Trong hơn 13 năm qua, quan hệ song phương đã phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, đến những hoạt động nhân đạo và văn hóa. Các cuộc gặp cấp cao diễn ra thường xuyên. Tổng thống Bill

Clinton đã đến thăm Việt Nam vào tháng 11 năm 2000 và Tổng thống George W. Bush vào tháng 11 năm 2006. Với mức độ quan hệ giữa hai nước, việc Tổng thống Mỹ đến thăm Việt Nam hai lần trong sáu năm là một điều hiếm thấy. Các nhà lãnh đạo Việt Nam đã thăm chính thức Hoa Kỳ ba lần trong vòng bốn năm qua. Nếu so sánh quan hệ của Việt Nam với nhiều đối tác truyền thống khác, chẳng hạn như Nga, thì việc này chưa hề có tiền lệ. Những cuộc viếng thăm cấp cao đã tạo dựng nên một khuôn khổ hợp tác cho hai quốc gia.

Thực tế, quan hệ chính trị được cải thiện cho thấy Việt Nam và Hoa Kỳ có thể từ kẻ thù trên chiến trường trở thành đối tác trong hợp tác bang giao. Dù chỉ mới ở bước đầu, song quá trình tiếp xúc giữa hai nước đã góp phần tăng cường lòng tin. Một ví dụ điển hình là cuộc đối thoại chiến lược về các vấn đề chính trị và an ninh được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 10 năm 2008. Hai bên đã thảo luận thẳng thắn và xây dựng một loạt các vấn đề cùng quan tâm, và thành phần tham dự đối thoại (bao gồm các quan chức ngoại giao, quân sự và an ninh) đã cho thấy thiện chí của mỗi bên muốn thảo luận một cách công khai về những khác biệt trong các giá trị và vai trò của mình trong các mối quan hệ song phương.

*b) Lĩnh vực kinh tế*

Trong ba năm đầu sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, hợp tác kinh tế đạt được nhiều thành tựu vượt bậc. Thương mại hai chiều tăng nhanh.<sup>1</sup> Tuy nhiên, trong giai đoạn 1997-1999, tốc độ tăng trưởng trở nên khiêm tốn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Á và sự thiếu vắng một Hiệp định Thương mại song phương.<sup>2</sup> Động lực mới cho quan hệ kinh tế Việt - Mỹ khởi đầu vào tháng 7 năm 2000 khi hai nước ký Hiệp định Thương mại song phương (BTA). Đây là hiệp định thương mại toàn diện nhất mà Việt Nam đã từng ký với một quốc gia khác. Hiệp định được xây dựng dựa trên hệ thống luật lệ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), trong đó công nhận Việt Nam là một nước đang phát triển với trình độ phát triển kinh tế thấp. Chính vì thế, hiệp định này cũng đã góp phần thúc đẩy mong muốn gia nhập WTO của Việt Nam. Cùng với việc ký kết BTA, quan hệ kinh tế đã tăng trưởng rõ rệt. Hoa Kỳ trở thành một trong những bạn hàng lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch thương mại tăng nhanh từ gần 1,6 tỷ đôla năm 2001 lên gần 15,7 tỷ đôla năm 2008.<sup>3</sup> Tháng 12 năm 2006, Mỹ đã trao Việt Nam quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR), tạo điều kiện cho thương mại hai chiều tăng mạnh hơn. Năm 2007, Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam với tổng doanh thu 10,6 tỷ đôla,<sup>4</sup> và đến cuối năm 2008 là 12,9 tỷ đôla.<sup>5</sup> Cho đến tháng 9 năm 2007, đầu tư của Mỹ vào Việt Nam khá lớn, ước tính khoảng 2,6 tỷ đôla, xếp thứ 7 trong các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, theo số liệu của phía Mỹ, đầu tư của Mỹ có thể gấp đôi con số đó và Mỹ đứng thứ 5 trong danh sách các nhà

đầu tư. Để tạo điều kiện phát triển quan hệ kinh tế, Việt Nam và Mỹ đã ký Hiệp định khung Thương mại và Đầu tư (TIFA) vào tháng 6 năm 2008.

*c) An ninh và quốc phòng*

Hợp tác an ninh và quốc phòng dần được thúc đẩy song vẫn còn khá thận trọng. Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam thăm Hoa Kỳ lần đầu tiên vào tháng 11 năm 2003, đánh dấu bước cuối cùng trong tiến trình bình thường hóa hoàn toàn quan hệ Việt - Mỹ. Các quan chức quốc phòng Mỹ cũng thường xuyên thăm Việt Nam, trong đó có ba tàu hải quân và một tàu y tế đã cập cảng Việt Nam. Năm 2002, Việt Nam đã gửi quan sát viên đến cuộc tập trận quân sự hàng năm "Cobra Gold" giữa Mỹ, Singapore và Thái Lan. Việt Nam đã tham gia Chương trình Huấn luyện Quân sự Quốc tế (IMET) dù chỉ mới dừng ở việc học tiếng Anh. Việt Nam cũng hỗ trợ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố bằng việc hai lần cho phép máy bay Mỹ bay qua không phận Việt Nam; cung cấp thông tin cho Chính quyền Mỹ về các tổ chức và cá nhân thuộc diện tình nghi; kiểm soát các giao dịch ngân hàng và ủng hộ Tuyên bố Chống khủng bố giữa Mỹ và ASEAN ở Brunei vào tháng 7 năm 2002.

*d) Trong các lĩnh vực khác*

Hợp tác song phương ở các lĩnh vực khác phát triển khá nhanh, nhất là trong vấn đề nhân đạo. Hoa Kỳ luôn hoan nghênh nỗ lực của phía Việt Nam trong việc tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam. Việt Nam còn hợp tác tích cực với phía Mỹ trong việc giải quyết vấn đề dân tị nạn. Hơn 500.000 người Việt Nam đã di cư và sinh sống ở Mỹ thông qua Chương trình Ra đi có trật tự (ODP) và các chương trình khác như Chương trình Cơ hội tái định cư cho người tị nạn Việt Nam (ROVR). Chương trình

dành cho những người từng bị giam trong các trại cải tạo (HO). Tiên bộ cũng đạt được ở một số lĩnh vực hợp tác khác như giáo dục, đấu tranh chống buôn lậu thuốc phiện và tội ác xuyên quốc gia, ngăn chặn HIV/AIDS, cứu trợ thiên tai, tìm kiếm và cứu nạn.

Động lực chính đằng sau những thành tựu vượt bậc trên chính là lợi ích chung của hai nước. Những lợi ích này sẽ tiếp tục "dẫn đường" cho quan hệ Việt - Mỹ trong tương lai. *Trước hết*, cả hai bên đều muốn hàn gắn vết thương chiến tranh. Đối với Mỹ, ưu tiên hàng đầu vẫn là kiểm kê một cách đầy đủ nhất có thể các quân nhân mất tích trong chiến tranh (MIA) ở Việt Nam, vì đây không chỉ là vấn đề nhân đạo mà còn là áp lực từ nội bộ nước Mỹ. Về phía Việt Nam, giải quyết hậu quả chiến tranh càng cấp thiết hơn. Hàng triệu người vẫn đang phải chịu đựng hậu quả dai dẳng của chất độc màu da cam mà Hoa Kỳ đã sử dụng ở Việt Nam. Chủ nhiệm Ủy ban Quốc gia về điều tra hậu quả của các hóa chất sử dụng trong chiến tranh ước tính rằng Việt Nam phải mất hơn một thế kỷ mới có thể khắc phục được hậu quả của chất độc màu da cam. Các nghiên cứu cho thấy trong những khu vực bị nhiễm chất độc màu da cam, tỷ lệ hiện tượng bất thường khi sinh đẻ rất cao, chẳng hạn như các ca sảy thai, sinh non và chết yểu. Khoảng hai triệu người đã bị nhiễm chất hóa học cực độc và 50.000 trẻ bị dị tật bẩm sinh là do cha mẹ từng bị nhiễm độc. Ba mươi năm sau chiến tranh, hàng triệu quả bom mìn còn lại vẫn cướp đi sinh mạng của nhiều người Việt Nam. Và dù cho Hoa Kỳ đã tìm được hơn 1.000 quân nhân thông qua Chương trình MIA nhưng Việt Nam vẫn có hơn 300.000 người mất tích trong chiến tranh chưa xác định được danh tính.

*Thứ hai*, các lợi ích kinh tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình bình thường hóa. Với dân số 86 triệu dân và 70% trong số đó dưới độ tuổi 40, Việt Nam có thể là một thị trường tương đối lớn cho các loại hàng hóa và dịch vụ của Mỹ. Việt Nam là quốc gia đông dân thứ 12 trên thế giới và thứ 2 ở Đông Nam Á. Trong khu vực, Việt Nam được xem là mảnh đất trống cuối cùng cho các nhà đầu tư. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN cũng gia tăng lợi ích cho phía Mỹ nếu Việt Nam thực hiện thành công các cải cách kinh tế. Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB), bình thường hóa quan hệ kinh tế với Việt Nam sẽ mang đến nguồn thu nhất định cho Mỹ,<sup>6</sup> mặc dù con số cụ thể sẽ thay đổi qua các năm. Là một thành viên của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, Việt Nam có thể mang lại cơ hội thương mại và đầu tư rất lớn cho Hoa Kỳ. Xét về khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Mỹ vào khu vực Thái Bình Dương, năm 2000 ASEAN là thị trường hấp dẫn chỉ xếp sau Nhật Bản và trên cả Trung Quốc, Hong Kong và Hàn Quốc.<sup>7</sup> ASEAN cũng là điểm đến quan trọng của các nhà đầu tư Mỹ.<sup>8</sup> Với lộ trình của AFTA, ASEAN trong đó có Việt Nam sẽ trở thành đối tác thương mại và đầu tư ngày càng quan trọng với Mỹ. Việt Nam xem lợi ích kinh tế trong quan hệ với Hoa Kỳ là cần thiết, giúp Việt Nam thực hiện mục tiêu quốc gia quan trọng nhất - đó là hiện đại hóa và công nghiệp hóa nền kinh tế. Việt Nam hiểu rõ tầm quan trọng của đối tác Mỹ trên tất cả các khía cạnh thị trường, đầu tư, nguồn vốn, công nghệ và bí quyết sản xuất. Vai trò chủ đạo của Mỹ trong các thể chế kinh tế và tài chính toàn cầu như Tổ chức Thương mại Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới,...

khiến cho ảnh hưởng của quốc gia này càng lớn hơn. Kinh nghiệm của các nền kinh tế Đông Á cũng đã cho thấy vai trò rất quan trọng của thị trường, nguồn vốn và công nghệ của Mỹ trong thành công kinh tế của họ.

*Thứ ba*, cả Việt Nam và Mỹ đều có lợi ích trong sự ổn định và phát triển của Đông Nam Á.<sup>9</sup> Đối với Việt Nam, quan hệ hợp tác và thân thiện với Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á là cần thiết để bảo đảm an ninh và hòa bình cho Việt Nam. Việt Nam tham gia ASEAN là biểu hiện rõ ràng nhất về các ưu tiên đối ngoại của mình. Trong các tính toán chiến lược của Mỹ, Việt Nam với vị trí chiến lược của mình là một mắt xích quan trọng trong an ninh của khu vực Đông Nam Á. Vì Mỹ có lợi ích trong việc duy trì quyền tự do đi lại trên vùng biển ở Đông Nam Á, và do tầm quan trọng chiến lược của biển Đông mà những tranh chấp ở đây trong những năm tới có thể tăng lên, buộc Mỹ phải chú ý hơn đến khu vực. Sự tham gia của Việt Nam vào diễn đàn ARF và APEC là một kênh quan trọng trong quan hệ hợp tác Mỹ - Việt. Cấu trúc an ninh chiến lược đang thay đổi với nhiều diễn biến phức tạp ở Châu Á ngày càng khẳng định vai trò quan trọng của Việt Nam trong quan hệ quốc tế ở khu vực.

## 2. Thách thức đối với Chính quyền Obama

Trong nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, chính sách của Mỹ đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương sẽ có thể còn có nhiều điều chỉnh và thay đổi. Khi bức tranh quan hệ về kinh tế và chính trị tương đối tốt, thì chắc chắn Việt Nam cũng sẽ là một phần trong chính sách khu vực của Mỹ và

quan hệ Việt - Mỹ sẽ được xem xét điều chỉnh bởi Chính quyền của ông Obama. Dù các vấn đề trong quan hệ song phương không hoàn toàn mới, ví dụ nhân quyền, tự do tôn giáo, dân chủ hóa và các va chạm trong quan hệ kinh tế, song cũng cần thời gian và nỗ lực hai bên để giải quyết, trong đó tính chủ động của phía Mỹ có vai trò quan trọng.

*Thứ nhất*, hai quốc gia có hệ thống chính trị khác nhau. Điều này không chỉ cản trở quan hệ hiện tại mà còn có thể gây ra bất đồng sâu sắc hơn trong tương lai. Khuynh hướng của Hoa Kỳ là áp đặt các giá trị của mình lên các quốc gia có hệ thống chính trị khác với mình. Tổng thống Clinton đã khẳng định: "Quá trình bình thường hóa và tiếp xúc giữa Mỹ và Việt Nam sẽ thúc đẩy phong trào tự do ở Việt Nam như đã diễn ra ở Đông Âu và Liên bang Xô Viết".<sup>10</sup> Mục tiêu này sẽ tiếp tục chi phối chính sách của Mỹ đối với Việt Nam và nó có thể gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ song phương. Việc Hạ viện Mỹ từng thông qua "Đạo luật Nhân quyền Việt Nam" vào năm 2000 và Bộ Ngoại giao Mỹ xếp Việt Nam vào danh sách "Các quốc gia cần quan tâm đặc biệt" trong Đạo luật Tự do Tôn giáo tháng 9 năm 2005 là những bằng chứng cho thấy Hoa Kỳ muốn can thiệp vào vấn đề nội bộ của Việt Nam. Điều này có thể tiếp tục là lý do khiến Việt Nam thận trọng về ý đồ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam và những lo ngại khác. Các cuộc đối thoại song phương về nhân quyền đã được nối lại, nhưng liệu Chính quyền của ông Obama có thể vượt qua được những định kiến của Chính quyền Bush để phi chính trị hoá vấn đề nhân quyền hay không? Chính quyền mới của ông Obama có thể nhìn ra những thất bại trong chính sách nhân

quyền của ông Bush để điều chỉnh và thúc đẩy quan hệ chặt hơn với Châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng hay không? Trong bối cảnh nước Mỹ suy yếu tương đối và đang phải tập trung chống suy thoái kinh tế, có thể nước Mỹ cần có thêm bạn bè, hoặc ít nhất là không tạo thêm kẻ thù và đẩy các nước ở ngoại vi ra xa hơn. Vì thế, một chính sách mềm dẻo và bớt “ngạo mạn” trong vấn đề nhân quyền sẽ có lợi hơn cho Mỹ.

*Thứ hai*, trong chính sách hiện nay của Mỹ, Việt Nam không phải là một ưu tiên chiến lược. Cũng giống như quan hệ của Mỹ với một số quốc gia nhỏ khác, Việt Nam có nguy cơ bị thường xuyên “bỏ qua” so với các ưu tiên toàn cầu và khu vực của Mỹ. Khi cuộc chiến chống khủng bố trở thành tâm điểm chính sách an ninh và đối ngoại Mỹ, cũng như chính sách của Mỹ đối với Châu Á chỉ tập trung vào một số vấn đề nổi cộm hoặc các cuộc khủng hoảng, thì vị trí của Việt Nam sẽ còn thấp hơn và không được chú ý trong chương trình đối ngoại của Chính quyền Mỹ. Mặc dù trong những năm qua, quan hệ song phương đã được cải thiện đáng kể, nhưng nhìn chung giới quan sát chính trị vẫn nhất trí rằng, tầm quan trọng của Việt Nam dường như vẫn bị đặt trong mối quan hệ của Mỹ với Trung Quốc. Khi ông Obama lên nhậm chức, người ta đã hy vọng vào sự điều chỉnh chính sách của ông với Đông Nam Á.

Thực tế trong 4 tháng qua, khu vực này đang nhận được sự quan tâm nhiều hơn của Mỹ. Nhưng liệu điều đó có thực sự làm cho vị trí của Việt Nam tăng lên tương ứng hay không? Nói cách khác, Việt Nam trong chính sách của Chính quyền Obama sẽ được điều chỉnh bởi mối quan hệ Mỹ - ASEAN, Mỹ - Trung Quốc hay vẫn dừng lại ở

mức độ như hiện nay và chỉ đơn thuần phụ thuộc vào những lợi ích của Mỹ ở Việt Nam? Nếu Việt Nam trông đợi một vị trí cao hơn trong chính sách của Mỹ, thì đâu là những nội hàm cần thiết, xét từ phía Mỹ, để thúc đẩy mối quan hệ này? Các nhà nghiên cứu Việt Nam vẫn luôn tự đặt ra câu hỏi về vị trí của Việt Nam, điều đó chỉ có thể nói lên một điều rằng Việt Nam thực sự quan tâm đến mối quan hệ với Mỹ. Mặt khác, khi so sánh quan hệ Việt - Mỹ trong thời kỳ Bill Clinton và George W. Bush, người ta có thể nhận thấy ông Bush đã làm được rất nhiều việc để tăng cường quan hệ với Việt Nam và khi ông rời Nhà Trắng, ông đã để lại một di sản khá vững chắc. Như vậy, Chính quyền Obama sẽ phải nỗ lực để vượt qua cả những thành tích của Chính quyền Bush.

*Thứ ba*, yếu tố lịch sử cũng rất quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ. Quan hệ này trước nay vẫn bị che phủ bởi di sản của một trong những cuộc chiến tranh đẫm máu nhất của thế kỷ XX. Mặc dù không thể phủ nhận thực tế rằng hợp tác song phương đã góp phần hàn gắn quá khứ, nhất là khi việc giải quyết vấn đề MIA/POW và dọn dẹp các vật liệu gây nổ đang tiến triển rất tích cực, song ký ức của chiến tranh chắc chắn vẫn sẽ còn chi phối chính sách của Mỹ đối với Việt Nam. Cuộc chiến ở Việt Nam không chỉ là vấn đề tình cảm mà còn gây chia rẽ trong chính nước Mỹ. Tại Quốc hội Mỹ, trong cuộc họp hàng năm trước đây về việc kéo dài miễn áp dụng luật Jackson-Vanik với Việt Nam, vẫn có những tiếng nói chống lại việc bình thường hóa và cải thiện quan hệ với Việt Nam. Dù nhóm phản đối này không hoàn toàn đồng nhất với nhau về nguyên nhân song phần nhiều là xuất phát từ gánh nặng

của quá khứ. Điều này cũng dẫn đến việc phía Mỹ vẫn không chịu thừa nhận những việc làm trong cuộc chiến tranh, đặc biệt là hậu quả chất độc da cam - dioxin. Đây cũng là gánh nặng quá khứ của các thế hệ người Việt. Dù Việt Nam có truyền thống nhân nghĩa, nhưng không dễ gì hàn gắn vết thương chiến tranh còn hiện rõ mỗi ngày ở khắp nơi. Hoa Kỳ cần tích cực hơn trong việc giúp đỡ các nạn nhân nhiễm chất độc màu da cam. Một cử chỉ giúp đỡ từ phía Mỹ sẽ không chỉ là một hành động nhân đạo mà còn là một tín hiệu rõ ràng về mong muốn chính trị và chính sách thiện chí của Mỹ về việc bỏ lại quá khứ, cùng nhau hành động vì tương lai quan hệ hai nước. Liệu Chính quyền Obama có thể đổi mặt và trả lời hàng triệu nạn nhân hay không? Ông Obama có thể có hành động cụ thể tích cực hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả của chiến tranh hay không? Nếu ông có thể thực hiện được, chắc chắn quan hệ song phương sẽ phát triển tốt đẹp hơn. Điều quan trọng hơn là Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ xóa tan ngờ vực và tăng cường hiểu biết lẫn nhau, có như vậy mới đặt nền tảng cho một mối quan hệ bền vững.

*Thứ tư*, Việt Nam xem hợp tác kinh tế là ưu tiên hàng đầu trong quan hệ Việt - Mỹ. Mặc dù các vụ kiện tôm và cá ba sa đã phần nào làm cho phía Việt Nam lo ngại về chính sách bảo hộ mậu dịch của Mỹ, nhưng Mỹ là một trong những thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, và Việt Nam muốn tiếp tục mở rộng thị trường Mỹ. Việc triển khai thành công Hiệp định BTA trong những năm tới sẽ tạo nền tảng cho quan hệ hữu nghị hơn giữa hai nước. Dĩ nhiên, cùng với sự tăng cường trao đổi kinh tế, mức độ lệ thuộc giữa hai quốc gia sẽ tăng lên, và như thế càng góp

phần tăng cường các tiếng nói ủng hộ trong cộng đồng Việt Nam và Hoa Kỳ về việc xây dựng mối quan hệ này bền chặt hơn nữa vì lợi ích kinh tế của cả hai bên. Bên cạnh thương mại, Mỹ cũng có thể thúc đẩy đầu tư mạnh hơn vào Việt Nam. Rõ ràng, mức độ đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam chưa tương xứng với tiềm năng của mình. Tuy nhiên đây lại chính là bài toán khó đối với Chính quyền ông Obama. Khi nền kinh tế Mỹ đang lâm vào suy thoái nghiêm trọng nhất trong vòng 60 năm qua, thì liệu Mỹ có sẵn sàng tiếp tục mở cửa thị trường và ủng hộ tự do thương mại nữa hay không, hay nước Mỹ sẽ gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch? Đã có các dấu hiệu rõ ràng cho thấy Mỹ đang đi theo hướng này. Ngoài ra, hàng loạt tập đoàn và công ty hàng đầu của Mỹ gặp khó khăn trong kinh doanh hoặc sụp đổ sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới các dòng vốn đầu tư ra nước ngoài của họ. Như vậy, cả hai nhân tố này có tác động trực tiếp tiêu cực tới quan hệ thương mại và đầu tư của Mỹ với Việt Nam. Chính trong thời điểm khủng hoảng kinh tế, Việt Nam lại cần đến vốn và thị trường hơn bao giờ hết; và Mỹ là một mục tiêu đương nhiên Việt Nam hướng tới. Một khi chính nước Mỹ còn đang phải vật lộn với các vấn đề kinh tế của mình thì liệu Chính quyền Obama có thể dành cho Việt Nam thêm sự ưu đãi nào không? Có thể hỗ trợ dưới hình thức nào (mở cửa thị trường hoặc khuyến khích doanh nghiệp Mỹ đầu tư) để quan hệ kinh tế tiếp tục tăng hay không?

### 3. Kết luận

Có thể nói, dù hai nước đã đi một chặng đường dài, song quan hệ Việt Nam và Hoa Kỳ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi các di sản của chiến tranh. Sẽ mất nhiều thời gian và nỗ lực vượt bậc để

hai quốc gia vượt qua quá khứ và bắt đầu một giai đoạn hoàn toàn mới trong quan hệ song phương: quan hệ đối tác hợp tác toàn diện. Lợi ích giao thoa vẫn là nền tảng vững chắc cho hợp tác song phương phát triển dù còn có một số căng thẳng trong quan hệ. Bằng cách tập trung vào những lĩnh vực có thể hợp tác thành công và tránh những chủ đề có thể ảnh hưởng xấu đến quan hệ song phương, hai nước sẽ tăng cường hiểu biết và phụ thuộc lẫn nhau, từ đó tạo ra một môi trường chính trị thuận lợi cho việc xây dựng quan hệ hợp tác cùng có lợi cho hai bên. Một quan hệ mới hợp tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ không chỉ có lợi cho hai quốc gia mà còn góp phần vào củng cố hòa bình, an ninh và phát triển của khu vực. Nền tảng cơ bản trên tất cả các lĩnh vực đã được xây dựng. Vấn đề chỉ còn là làm sao Chính quyền của Tổng thống Barack Obama giải quyết được những thách thức đã nêu trên để đưa quan hệ hai nước đi vào chiều sâu ■

#### *Chú thích:*

- 1) Thương mại hai chiều tăng từ 7 triệu đôla lên 1,4 tỷ đôla trong năm 1997.
- 2) Các mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam vẫn phải chịu thuế cao, giảm tính cạnh tranh so với các mặt hàng đến từ các nước ASEAN khác. Việt Nam phải chi trả mức thuế tổng cộng hơn 20% trên các mặt hàng chịu thuế của mình trong khi Thái Lan với quy chế tối huệ quốc chỉ phải chịu 8-9%. Là một trong sáu nước (cùng với Lào, Cuba, Bắc Triều Tiên, Afghanistan và Serbia) chưa được hưởng quy chế "quan hệ thương mại bình thường" (NTR) với Mỹ, Việt Nam phải chịu mức thuế trung bình khoảng 40%, cao gấp mười lần so với mức thuế dành cho các nước được hưởng quy chế NTR.
- 3) U.S. Census Bureau, Trade with Vietnam 2008, <http://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html#2008>
- 4) U.S. Census Bureau, Trade with Vietnam 2007, <http://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html#2007>
- 5) U.S. Census Bureau, Trade with Vietnam 2008, <http://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html#2008>
- 6) Emiko Fukase and Will Martin, "The Effect of the US's granting MFN status to Vietnam", The World Bank, 1999.
- 7) Richard Sokolsky, Angel Rabasa, C.R.Neu "The role of Southeast Asia in US strategy toward China", RAND, 2000, p. 6
- 8) Chẳng hạn, từ năm 1990 đến năm 1997, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Mỹ (FDI) tăng từ 11,8 tỷ đôla lên 37,5 tỷ đôla, vượt qua cả mức đầu tư của Mỹ ở Nhật 35,6 tỷ đôla và Brazil 35,7 tỷ đôla. Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào ASEAN gấp 7 lần so với mức đầu tư vào Trung Quốc và gần gấp đôi so với Hong Kong. Xem Statistical Abstract, 1998, No. 1312; Survey of Current Business, July 1998, p.43.
- 9) "American trade negotiations with Vietnam", Testimony of Ambassador Charlene Barshefsky, US Trade Representative before Senate Foreign Relations Subcommittees on International Economic Policy and Asia Pacific Affairs, August 4th, 1999.
- 10) Bill Clinton, "US Normalizes relations with Vietnam", speech delivered in Washington, D.C, 11 July 1995.

*Bài viết tham gia Đề tài KX01-03/06-10.*